

Bản án số: 76/2018/HNGĐ-ST

Ngày 29-11-2018

V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bám

Ông Nguyễn Hồng Đại

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Thủy, Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Nhật Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 326/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 745/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn số 786/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn T H; nơi cư trú: Số 24 Đ54 phường Đ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm V Đ; nơi cư trú: Số 24 Đ54 phường Đ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết vụ dân sự ly hôn ngày 15 tháng 5 năm 2018, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn T H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1977, bà và ông Phạm V Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân khu phố Lê Chân (nay là quận Lê Chân), thành phố Hải Phòng ngày 29 tháng 7 năm 1977. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, được một thời gian bà H phát hiện giữa hai người có nhiều điểm khác biệt về lối sống, tính cách và xảy ra mâu thuẫn từ năm 1980. Dần dần tình cảm vợ chồng phai nhạt, giữa hai vợ chồng không còn tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau; mâu thuẫn càng tăng nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Gia đình và bạn bè hai bên đã động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Vì mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đ để giải phóng cho cả hai người.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng bà H và ông Đ có hai con chung là Phạm T M H, sinh năm 1978 và Phạm Ngọc Trường, sinh năm 1980. Con Phạm Ng T đã chết năm 2006. Con Phạm T M H đã thành niên (trên 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H và ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà H sinh năm 1955, là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên đề nghị được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm V Đ vắng mặt tại phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do. Tuy nhiên, trong giai đoạn nhận đơn, đơn khởi kiện được giải quyết tại Trung tâm hoà giải của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, bị đơn ông Phạm V Đ có quan điểm:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1977, ông bà tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân khu phố Lê Chân (nay là quận Lê Chân), thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống bình thường đến khoảng năm 2015 thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông bà bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Ông bị mắc bệnh ốm yếu, bà H không quan tâm chăm sóc ông. Ông bà ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay. Hiện nay, bà H có đơn xin ly hôn gửi Tòa án giải quyết, ông Đ đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng bà H và ông Đ có hai con chung như bà H trình bày. Con Phạm Ng T đã chết năm 2006. Con Phạm T M H đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H và ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau đó, Trung tâm hoà giải đã mời bà Nguyễn T H và ông Phạm V Đ đến Trung tâm hoà giải để hoà giải việc đoàn tụ gia đình của ông bà, nhưng tại buổi hoà giải ông Đ vắng mặt, nên vụ án không hoà giải được và Trung tâm hòa giải, đối thoại đã chuyển đơn sang Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; vắng mặt tại phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt hai lần tại phiên tòa không có lý do đủ đã được tổng đạt hợp lệ. Vì vậy, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà H được ly hôn với ông Đ. Con chung đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không đặt vấn đề giải quyết; tài sản chung nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết. Bà H là người cao tuổi và có đơn đề nghị nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Phạm V Đ cư trú trên địa bàn quận Ngô Quyền nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hạn giải quyết vụ án: Vụ án thụ lý ngày 02/8/2018 đến ngày 25/10/2018 có quyết định đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn là ông Phạm V Đ đến Tòa án nhiều lần, đã tổng đạt trực tiếp Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp về việc kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải

cho bị đơn. Ông Phạm V Đ có mặt tại phiên họp nhưng không trình bày quan điểm mà bỏ về, không ký biên bản. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ý kiến trình bày của ông Đ tại Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền tại giai đoạn giải quyết đơn thì ông Đ không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết vụ án gửi Tòa án. Tại phiên tòa ngày 12/11/2018, ông Phạm V Đ vắng mặt lần thứ nhất không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Đ. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

[4] Điều kiện và quá trình kết hôn như bà H đã trình bày, hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Sau khi kết hôn một thời gian ngắn giữa hai vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, giữa hai vợ chồng không có sự yêu thương, quan tâm và chăm sóc nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Mâu thuẫn căng thẳng, ông bà đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Tòa án đã tiến hành hoà giải nhưng ông Phạm V Đ đều vắng mặt thể hiện ông không thiện chí để hoà giải đoàn tụ gia đình. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Qua xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Đ và bà H là rất trầm trọng, không thể khắc phục. Tại phiên tòa, bà H xác định không còn tình cảm với ông Đ và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tòa án xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông Đ đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung:

[5] Bà H và ông Đ có hai con chung như ông bà đã trình bày. Con Phạm Ng T đã chết năm 2006. Con Phạm T M H đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không đặt vấn đề giải quyết.

- Về việc chia tài sản:

[6] Bà H và ông Đ tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí:

[7] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà H là người cao tuổi có đơn đề nghị được miễn án phí dân sự sơ thẩm nên chấp nhận.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn T H được ly hôn ông Phạm V Đ.

2. Về con chung:

Bà H và ông Đ có hai con chung là Phạm T M H sinh năm 1978 và Phạm Ng T sinh năm 1980. Con Phạm Ng T đã chết năm 2006. Con Phạm T M H đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

3. Về việc chia tài sản: Bà H và ông Đ tự thỏa thuận, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn T H được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014778 ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Bà Nguyễn T H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Phạm V Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thu